

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo đại học
của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh
năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027**

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1548-QĐ/TU ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về giao quyền tự chủ tài chính cho Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn năm 2023-2025;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị:

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành điều chỉnh mức thu học phí đối với các hệ đào tạo đại học của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1112-QĐ/HVCB ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu học phí đối với các hệ đào tạo đại học của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, quản trị; Trưởng phòng quản lý đào tạo và các đơn vị chức năng có liên quan và người học chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Ban Giám Đốc,
- Website Học viện Cán bộ,
- Trang thông tin sinh viên,
- Lưu Học viện Cán bộ. (P.TC,HC,QT).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Phát



MỨC THU HỌC PHÍ TOÀN KHÓA HỆ CỬ NHÂN

(Đính kèm quyết định số 92...-QĐ/HVCB ngày 26./01/2024 của Học viện Cán bộ về việc điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2023-2024 đến năm 2026-2027)

I. Mức thu học phí hệ Cử nhân hình thức chính quy:

1. VĂN BẢN 1

Khóa 8

Ngành học	Tổng số tín chỉ (tín chỉ/năm)	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2024-2025 tăng 50%)	2025-2026 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	2026-2027 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	Toàn khóa (đồng/4 năm/ 124 tín chỉ)
Luật	124	28.338.879 36 tín chỉ	29.480.952 39 tín chỉ	29.480.952 39 tín chỉ	7.559.218 10 tín chỉ	94.860.000
Quản lý nhà nước	124	29.853.504 36 tín chỉ	31.566.589 40 tín chỉ	29.988.260 38 tín chỉ	7.891.647 10 tín chỉ	99.300.000
Xây dựng Đảng	124	30.642.669 37 tín chỉ	31.566.589 40 tín chỉ	29.199.095 37 tín chỉ	7.891.647 10 tín chỉ	99.300.000
Chính trị học	124	29.853.504 36 tín chỉ	28.409.930 36 tín chỉ	33.144.918 42 tín chỉ	7.891.647 10 tín chỉ	99.300.000
Công tác xã hội	124	30.642.669 37 tín chỉ	29.199.095 37 tín chỉ	29.988.260 38 tín chỉ	9.469.977 12 tín chỉ	99.300.000

Khóa 7

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2022-2023 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2024-2025 tăng 50%)	2025-2026 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	Toàn khóa (đồng/4 năm/ 124 tín chỉ)
Luật	124	17.268.450 36 tín chỉ	26.671.940 39 tín chỉ	24.108.057 39 tín chỉ	6.181.553 10 tín chỉ	74.230.000
Quản lý nhà nước	124	17.865.690 36 tín chỉ	28.504.459 40 tín chỉ	23.955.716 38 tín chỉ	6.304.136 10 tín chỉ	76.630.000
Xây dựng Đảng	124	18.353.580 37 tín chỉ	28.596.902 40 tín chỉ	23.364.727 37 tín chỉ	6.314.791 10 tín chỉ	76.630.000
Chính trị học	124	17.865.690 36 tín chỉ	25.746.819 36 tín chỉ	26.667.974 42 tín chỉ	6.349.518 10 tín chỉ	76.630.000
Công tác xã hội	124	18.353.580 37 tín chỉ	26.583.853 37 tín chỉ	24.086.351 38 tín chỉ	7.606.216 12 tín chỉ	76.630.000

Khóa 6

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2021-2022 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2022-2023 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	Toàn khóa (đồng/4 năm/ 124 tín chỉ)
Luật	125	15.455.834 37 tín chỉ	15.132.078 39 tín chỉ	21.694.630 39 tín chỉ	4.717.458 10 tín chỉ	57.000.000
Quản lý nhà nước	125	15.747.510 37 tín chỉ	16.251.120 40 tín chỉ	21.440.666 38 tín chỉ	4.260.704 10 tín chỉ	57.700.000
Xây dựng Đảng	125	16.204.215 38 tín chỉ	16.227.960 40 tín chỉ	20.866.234 37 tín chỉ	4.401.591 10 tín chỉ	57.700.000
Chính trị học	125	15.747.510 37 tín chỉ	15.844.842 39 tín chỉ	21.812.718 39 tín chỉ	4.294.930 10 tín chỉ	57.700.000
Công tác xã hội	126	16.658.928 39 tín chỉ	14.817.464 37 tín chỉ	21.009.941 38 tín chỉ	5.213.667 12 tín chỉ	57.700.000

Khóa 5

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2020-2021 (Áp dụng mức thu năm 2020-2021)	2021-2022 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2022-2023 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	Toàn khóa (đồng/4 năm/ 124 tín chỉ)
Luật	125	14.060.000 37 tín chỉ	15.096.978 39 tín chỉ	11.339.172 39 tín chỉ	5.153.850 10 tín chỉ	45.650.000
Quản lý nhà nước	125	14.820.000 39 tín chỉ	15.292.387 39 tín chỉ	11.534.536 37 tín chỉ	3.353.077 10 tín chỉ	45.000.000
Xây dựng Đảng	125	14.440.000 38 tín chỉ	15.678.920 40 tín chỉ	11.505.312 37 tín chỉ	3.375.768 10 tín chỉ	45.000.000
Chính trị học	127	13.680.000 36 tín chỉ	15.272.322 39 tín chỉ	12.476.982 42 tín chỉ	3.570.696 10 tín chỉ	45.000.000
Công tác xã hội	126	13.680.000 36 tín chỉ	14.882.786 38 tín chỉ	12.182.480 40 tín chỉ	4.254.734 12 tín chỉ	45.000.000

2. VĂN BẢN 2

Khóa 1

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2024-2025 tăng 50%)	2025-2026 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	Toàn khóa (đồng/2.5 năm/ 75 tín chỉ)
Luật	75	9.165.000 15 tín chỉ	23.570.000 30 tín chỉ	23.570.000 30 tín chỉ	56.305.000
Quản lý nhà nước	75	9.750.000 15 tín chỉ	24.640.000 30 tín chỉ	24.640.000 30 tín chỉ	59.030.000



II. Mức thu học phí hệ Cử nhân hình thức vừa làm vừa học:

1. VẤN BẢNG 1

Khóa 6

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2021-2022 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2022-2023 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 50%)	2025-2026 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	Toàn khóa (đồng/5 năm/ 120 tín chỉ)
Luật	120	9.000.000 11 tín chỉ	19.656.547 32 tín chỉ	32.638.533 34 tín chỉ	22.509.712 30 tín chỉ	9.754.208 13 tín chỉ	93.559.000

Khóa 4

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2020-2021 (Áp dụng mức thu năm 2020-2021)	2021-2022 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2022-2023 (Áp dụng mức thu năm 2021-2022)	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2024-2025 tăng 50%)	Toàn khóa (đồng/5 năm/ 120 tín chỉ)
Luật	120	16.547.175 30 tín chỉ	17.584.350 30 tín chỉ	15.825.915 27 tín chỉ	22.095.550 23 tín chỉ	5.967.010 10 tín chỉ	78.020.000

2. VẤN BẢNG 2

Khóa 1

Ngành học	Tổng số tín chỉ	2023-2024 (Áp dụng mức thu năm 2023-2024 tăng 30%)	2024-2025 (Áp dụng mức thu năm 2024-2025 tăng 50%)	2025-2026 (Áp dụng mức thu năm 2025-2026 tăng 70%)	Toàn khóa (đồng/2.5 năm/ 75 tín chỉ)
Luật	75	13.747.500 15 tín chỉ	29.724.500 30 tín chỉ	29.724.500 30 tín chỉ	73.196.500
Quản lý nhà nước	75	14.625.000 15 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	76.739.000
Xây dựng Đảng	75	14.625.000 15 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	76.739.000
Chính trị học	75	14.625.000 15 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	76.739.000
Công tác xã hội	75	14.625.000 15 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	31.057.000 30 tín chỉ	76.739.000

Ghi chú:

Căn cứ mức học phí theo năm học, căn cứ theo số tín chỉ đào tạo trong từng học kỳ, Học viện cán bộ sẽ áp thu theo tín chỉ cho từng học kỳ trong năm và thông báo cụ thể cho người học

